

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc điều chỉnh kế hoạch chi tiết năm 2014 dự án Nâng cao chất lượng, an toàn sản phẩm nông nghiệp và phát triển chương trình khí sinh học

#### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 332/QĐ-BNN-KH ngày 03/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch tổng thể Dự án Nâng cao chất lượng, an toàn sản phẩm nông nghiệp và phát triển chương trình khí sinh học;

Căn cứ văn bản số 1214/DANN-QSEAP ngày 19/5/2014 của Ban Quản lý các Dự án nông nghiệp về việc điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2014;

Tiếp theo Quyết định số 594/QĐ-UBND ngày 21/3/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch chi tiết năm 2014 dự án Nâng cao chất lượng, an toàn sản phẩm nông nghiệp và phát triển chương trình khí sinh học;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 84/TTr-SNN ngày 21/5/2014,

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Điều chỉnh Kế hoạch chi tiết năm 2014 dự án Nâng cao chất lượng, an toàn sản phẩm nông nghiệp và phát triển chương trình khí sinh học tỉnh được phê duyệt tại Quyết định số 594/QĐ-UBND ngày 21/3/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh, cụ thể như sau:

1. Nội dung điều chỉnh:

a) Tổng vốn: Điều chỉnh tăng từ 68.062 triệu đồng lên 70.235 triệu đồng, trong đó:

- Vốn ADB: Điều chỉnh giảm từ 60.356 triệu đồng xuống còn 59.286 triệu đồng.

- Vốn đối ứng ngân sách tỉnh: Điều chỉnh tăng từ 7.706 triệu đồng lên 10.949 triệu đồng.

b) Chi tiết từng hợp phần:

- Hợp phần 1: Phát triển khung thể chế và hệ thống sản phẩm nông nghiệp, an toàn chất lượng: 525 triệu đồng.

- Hợp phần 2: Đầu tư cơ sở hạ tầng và trang thiết bị hỗ trợ cho sản phẩm nông nghiệp an toàn, chất lượng: 69.110 triệu đồng.

- Hợp phần 3: Phát triển chương trình khí sinh học: không.

- Hợp phần 4: Quản lý dự án: 600 triệu đồng.

Chi tiết theo Phụ lục I đính kèm.

2. Các nội dung khác thực hiện theo Quyết định số 594/QĐ-UBND ngày 21/3/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh.

**Điều 2.** Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh bố trí đủ kế hoạch vốn đối ứng năm 2014 cho dự án theo Kế hoạch chi tiết điều chỉnh tại Điều 1.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Khoa học và Công nghệ; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh; Giám đốc Ban quản lý dự án Nâng cao chất lượng, an toàn sản phẩm nông nghiệp và phát triển chương trình khí sinh học tỉnh và thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận :**

- BQL các DANN-Bộ NN&PTNT;
- CT, các PCT;
- Như điều 3;
- Lưu: VT, NN;

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



Tham S

**Phụ lục I: KẾ HOẠCH CHI TIẾT NĂM 2014**  
**ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG, AN TOÀN SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP**  
**PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH KHÍ SINH HỌC**

(Kế hoạch được duyệt tại Quyết định số 1233/QĐ-UBND ngày 04 / 6 /2014 của UBND tỉnh Lâm Đồng)



STT	HẠNG MỤC CHI TIÊU	Kế hoạch chi tiết năm 2014					
		1.000USD			Triệu VNĐ		
		Tổng	ADB	ĐƯ	Tổng	ADB	ĐƯ
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.341</b>	<b>2.821</b>	<b>520</b>	<b>70.394</b>	<b>59.432</b>	<b>10.962</b>
<b>I</b>	<b>Hợp phần 1: Phát triển khung thể chế và hệ thống sản phẩm nông nghiệp, an toàn chất lượng</b>	25	8	17	525	163	362
1	Hỗ trợ để xây dựng hệ thống quản lý an toàn thực phẩm cây trồng	25	8	17	525	163	362
<b>II</b>	<b>Hợp phần 2: Đầu tư cơ sở hạ tầng và trang thiết bị hỗ trợ cho sản phẩm nông nghiệp an toàn, chất lượng</b>	<b>3.288</b>	<b>2.804</b>	<b>483</b>	<b>69.269</b>	<b>59.083</b>	<b>10.186</b>
1	Quy hoạch vùng Nông nghiệp an toàn (SAZ)	0	0	0	0	0	0
2	Phát triển cơ sở hạ tầng trong vùng SAZ	2.178	1.805	372	45.884	38.037	7.847
a)	Thiết kế mô hình SAZ: Lập Tiểu dự án cho mô hình SAZ (bao gồm cả lập và đánh giá HSMT)	93	7	87	1.970	146	1.824
b)	Chi phí xây lắp cơ sở hạ tầng	1.998	1.798	200	42.101	37.891	4.210
c)	Chi phí tư vấn	86	0	86	1.813	0	1.813
3	Hỗ trợ cấp chứng nhận sản phẩm	93	84	9	1.962	1.766	196
4	Đào tạo GAP, HACCP, Thực hành dựa trên tiêu chuẩn an toàn thực phẩm nông trại	68	61	7	1.423	1.281	142
5	Thay thế giống để sâu bệnh bằng giống chịu được sâu bệnh	949	854	95	20.000	18.000	2.000
<b>III</b>	<b>Hợp phần 3: Phát triển chương trình khí sinh học</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>IV</b>	<b>Hợp phần 4: Quản lý dự án</b>	<b>28</b>	<b>9</b>	<b>20</b>	<b>600</b>	<b>186</b>	<b>414</b>
1	Tủ, bàn ghế và đồ dùng khác	0	0	0	0	0	0
2	Chi thường xuyên	28	9	20	600	186	414